

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

TIÊU CHUẨN NHÀ NƯỚC

TCVN 1598 - 74

# KHẨU TRANG CHỐNG BỤI

HÀ-NỘI - 1977

Việt nam Dân chủ Cộng hòa Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước Viện Tiêu chuẩn	<b>KHẨU TRANG CHỐNG BỤI</b>	TCVN <b>1598 - 74</b> <hr/> Nhóm L
--	-----------------------------	--

Tiêu chuẩn này áp dụng cho khẩu trang chống bụi dùng để làm việc ở môi trường có bụi vô cơ và hữu cơ.

### 1. PHÂN LOẠI VÀ KÍCH THƯỚC

1.1. Khẩu trang chống bụi được chia làm ba loại, ký hiệu: A<sub>1</sub>, A<sub>2</sub>, A<sub>3</sub>.

trong đó:

A<sub>1</sub> — khẩu trang ba lớp vải dùng cho những nơi bụi có kích thước lớn và nồng độ bụi thấp;

A<sub>2</sub> — khẩu trang bốn lớp vải dùng cho những nơi bụi có kích thước trung bình và nồng độ bụi tương đối cao;

A<sub>3</sub> — khẩu trang năm lớp vải dùng cho những nơi bụi có kích thước nhỏ và nồng độ bụi cao.

1.2. Hình dạng và kích thước khẩu trang thành phẩm phải theo chỉ dẫn ở hình vẽ và số liệu trong bảng dưới đây.

Viện nghiên cứu khoa học kỹ thuật Bảo hộ lao động Tổng công đoàn Việt nam biên soạn

Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước  
 duyệt y ngày 31-12-1974

Có hiệu lực  
 từ 1-1-1976

Ký hiệu các kích thước	Tên gọi các kích thước	Kích thước, mm
Khâu trang		
1	Chiều dài lớn nhất	$185 \pm 4$
2	Chiều dài mép trên và chiều dài mép dưới	$160 \pm 4$
3	Bán kính vòng cung lớn nhất	$110 \pm 4$
4	Bán kính vòng cung mép trên	$65 \pm 2$
5	Chiều rộng lớn nhất	$75 \pm 2$
6	Khoảng cách từ mép chính giữa đến hết mép túi đựng lá nhôm	20
7	Chiều dài túi đựng lá nhôm	$60 + 2$
Lá nhôm		
8	Chiều dài	5
9	Bán kính vòng cung lớn	60
10	Bán kính vòng cung nhỏ	50
11	Bán kính hai đầu	5
12	Chiều dày	0,2
13	Chiều rộng	10
Dây đeo		
14	Chiều dài	300
15	Chiều rộng	5
16	Số dây của một khâu trang	4 chiếc

## 2. YÊU CẦU KỸ THUẬT

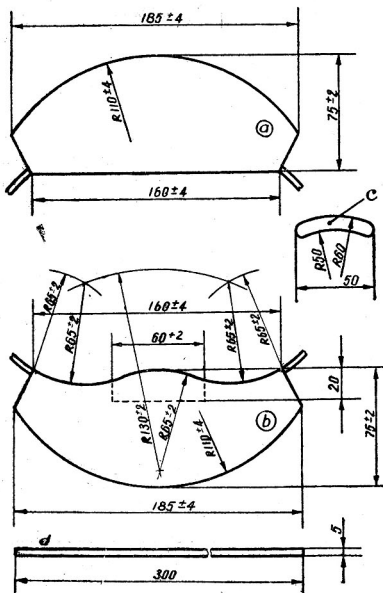
## 2.1. Yêu cầu về nguyên liệu

## 2.1.1. Vải

Vải may khẩu trang chống bụi phải bảo đảm thoát khí, cân bụi tốt, mềm mại, mỏng và nhẵn mặt.

Hình dáng khẩu trang chống bụi

- Mặt dưới khẩu trang
- Mặt trên khẩu trang
- Lá nhôm
- Dây đeo



Có thể dùng pin định màn ký hiệu 2271 (mật độ sợi ngang 30 sợi/cm, mật độ sợi dọc 30 sợi/cm) để may khẩu trang.

### 2.1.2. Lá nhôm

Nhôm lá trắng hoặc nguyên liệu khác nếu như chất đó đảm bảo dễ uốn và giữ nguyên hình sau khi uốn.

### 2.1.3. Chỉ

Chỉ trắng có chỉ số trên 60/2 hoặc 60/3 độ bền từ 8 N/sợi đến 10 N/sợi.

2.2.1. Cắt chừa đường may xung quanh khẩu trang 5 mm.

2.2.2. Tất cả các đường may đều phải máy lộn và trên mỗi cm phải máy từ 6 đến 8 mũi.

2.2.3. Khâu bốn dây đeo vào bốn góc khẩu trang, may dấu đường chỉ vào phía trong.

### 2.3. Yêu cầu tính năng an toàn vệ sinh

2.3.1. Mép khẩu trang phải ôm khít lấy cằm và sống mũi.

2.3.2 Sức cản ban đầu của khẩu trang không được nhỏ hơn 0,50 và không lớn hơn 5 mm cột nước. Sau một ca làm việc, ở điều kiện nhiều bụi nhất, sức cản cũng không được lớn hơn 10 mm cột nước.

2.3.3. Vải may khẩu trang phải có mật độ vừa phải, sau khi giặt, sợi vải không bị xô, ảnh hưởng đến sức cản ban đầu và hệ số lọt bụi.

2.3.4. Số lớp vải của khẩu trang phải đạt được yêu cầu có hệ số lọt bụi thấp và hiệu suất lọc bụi cao, sau một ca làm việc (85 - 90 %)

### 3. Ghi nhãn, bao gói, bảo quản và sử dụng

#### 3.1. Ghi nhãn

Mỗi túi, mỗi bó, mỗi kiện đều phải ghi nhãn: tên cơ sở sản xuất; số lượng khẩu trang trong từng bó; từng kiện; tên và ký hiệu của sản phẩm và số hiệu của tiêu chuẩn này.

#### 3.2. Bao gói

20 khẩu trang nên cho vào một túi polietylen, dán kín, bên trong túi có bản thuyết minh về sử dụng.

Cứ 25 túi buộc thành một bó.

### 3.3. bảo quản

Khẩu trang phải được bảo quản cẩn thận, sạch sẽ từ khi may cho đến lúc nhập kho, cũng như trong khâu vận chuyển.

### 3.4. Sử dụng

Khi đeo dùng hai ngón tay bóp mạnh miếng nhôm cho khít sống mũi. Dùng khẩu trang không nên để lẫn mặt trong, nhất là khi tiếp xúc với bụi hóa chất độc hại. Sau mỗi ngày làm việc, khẩu trang phải được giặt sạch, phơi khô.